



SỐ 225

KỲ 2 - THÁNG 9-2020

TẠP CHÍ

Thiết bị Giáo dục

ISSN 1859 - 0810

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



- ♦ **Xây dựng chủ đề STEM “Đèn tín hiệu giao thông” cho học sinh trung học phổ thông**
- ♦ **Xây dựng bài giảng điện tử giảng dạy mô đun công nghệ CNC theo hướng tiếp cận mô hình ảo**
- ♦ **Quản lý đào tạo khách hàng sử dụng sản phẩm phần mềm**

Lê Mạnh Hà; Phạm Thị Thu Hằng: Các phương pháp nghiên cứu cơ bản về chân dung trong dạy học nghệ thuật điêu khắc - <i>Basic research methods on portrait in teaching sculpture art</i>	70
Cao Minh Ngoan: Hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THPT ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang - <i>Ethical education activities for high school students in Chau Thanh district, Hau Giang province</i>	73
Hà Thị Hoài Hương: Biện pháp nâng cao khả năng thích ứng với hoạt động học tập cho sinh viên Trường Đại học nghệ thuật, Đại học Huế - <i>Measures to improve adaptability to learning activities for students of the University of the Arts, Hue University</i>	76
Lê Hoàng Vũ: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác đảm bảo chất lượng bên trong các trường cao đẳng nghề - <i>The current situation of factors affect the quality assurance within vocational colleges</i>	79
Nguyễn Hữu Phong: Biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh trung học cơ sở tại Thủ Dầu Một, Bình Dương - <i>Measures to improve the quality of physical education for junior high school students in Thu Dau Mot, Binh Duong</i>	82
Phạm Hồng Quân; Nguyễn Hữu Vũ: Bồi dưỡng kỹ năng mềm cho học viên ở các trường sĩ quan trong quân đội - <i>Fostering soft skills for students in military officer schools</i>	85
Minh Thị Lâm, Đỗ Thị Nga: Thực trạng kỹ năng hoạt động nhóm trong học tập của sinh viên năm nhất Trường Đại học Sài Gòn - <i>The fact of teamwork skills of freshman students in learning at Saigon university</i>	88
Trần Thúy Nga: Cơ sở lý luận về xây dựng nội dung học phần công chúng truyền thông trong chương trình đào tạo ngành quan hệ công chúng tại Học viện thanh thiếu niên Việt Nam - <i>Theoretical basis for building content of the public media module in the public relations training program at the Vietnam Youth Academy</i>	91
Lê Xuân Dũng, Hoàng Ngọc Sơn: Vai trò của đội ngũ giảng viên trẻ các nhà trường quân đội trong xây dựng nhà trường thông minh - <i>The role of the young faculty of military schools in building the smart school</i>	94
Bùi Đức Tú, Lưu Thị Ánh: Một số vấn đề về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh các trường THPT trong bối cảnh đổi mới - <i>Some issues about the management of scientific research activities of high school students in the innovative context</i>	96
Đào Thị Kim Nhung: Sử dụng hoạt động khoảng trống thông tin để thúc đẩy giờ học nói cho sinh viên năm thứ nhất hệ không chuyên Trường Đại học Tây Bắc - <i>Using information gap activities to motivate students in speaking lessons for the first-year non-english major students at Tay Bac university</i>	100
Nguyễn Minh Đức: Thực hiện nhiệm vụ của người thầy giáo theo quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh - <i>Performing the duties of the teacher from the point of view of President Ho Chi Minh</i>	102
Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Thanh Toàn: Đẩy mạnh hoạt động xây dựng văn hóa chất lượng tại các trường đại học trong bối cảnh hiện nay - <i>Promoting the quality culture building activities at universities in the current context</i>	105

QUẢN LÝ GIÁO DỤC - EDUCATION MANAGEMENT

Hồ Thị Tố Như: Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THPT ở thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang - <i>Developing the contingent of teachers at high schools in Long My town, Hau Giang province</i>	108
Nguyễn Chí Trọng: Quản lý hoạt động đào tạo của trường trung cấp Đại Việt thành phố Cần Thơ - <i>Management of training activities of Dai Viet Intermediate School, Can Tho City</i>	111
Nguyễn Thị Trúc Linh: Quản lý công tác chủ nhiệm lớp các trường THPT ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - <i>Managing the homeroom work of high schools in O Mon district, Can Tho city</i>	114
Lương Nhật Duy: Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên các trường trung học phổ thông ở quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ - <i>Managing teacher training activities at high schools in Binh Thuy district, Can Tho city</i>	117
Phạm Chí Thuận: Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh các trường THPT thành phố Cần Thơ - <i>Measures to manage scientific research activities of high school students in Can Tho city</i>	120
Lê Thanh Mộng: Quản lý bồi dưỡng giáo viên tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp ở huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau - <i>Management of fostering primary school teachers according to professional standards in Nam Can district, Ca Mau province</i>	123
Lê Thị Nguyệt Hằng: Quản lý hoạt động thực tập lâm sàng của sinh viên khoa điều dưỡng Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ - <i>Managing clinical practice activities of students major in the Faculty of Nursing at Can Tho Medical College</i>	126
Phạm Nguyễn Cẩm Tú: Quản lý hoạt động trải nghiệm của các trường THCS thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - <i>Managing the experience activities of junior high schools in Cao Lanh city, Dong Thap province</i>	129
Ngô Thị Hồng Hoa: Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho vận động viên ở trung tâm thể dục thể thao thành phố Cần Thơ - <i>Managing ethical education activities for athletes at the gymnasium of Can Tho city</i>	132
Nguyễn Ngọc Hênh: Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên trường trung cấp Đại Việt thành phố Cần Thơ - <i>Management of developing the contingent of teachers at Dai Viet middle school in Can Tho city</i>	135
Võ Thị Phước Tiên: Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các trường THPT thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang - <i>Managing the fostering activities the contingent of teachers in high school in Long My town, Hau Giang province</i>	138
Quách Văn Tuấn: Hoạt động quản lý đào tạo ở Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy theo tiếp cận chuẩn đầu ra - <i>Training management activities at the University of Fire Prevention and Fighting according to the output standards approach</i>	141
Đinh Đức Hợi; Nông Thị Viên: Thực trạng quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang - <i>Current situation the activities management in preschools in Xin Man district, Ha Giang province</i>	144
Vũ Thị Lan; Nguyễn Huy Hoàng: Quản lý đào tạo khách hàng sử dụng sản phẩm phần mềm - <i>Management of training the customer to use software products</i>	147
Đỗ Thị Minh Nguyệt, Lưu Hoàng Tùng: Những yếu tố ảnh hưởng đến niềm tin vào năng lực bản thân của học viên Trường sĩ quan Lục quân 1 - <i>Factors affect belief in personal abilities of students at Army Officers Ischool</i>	150
Lý Ngọc Bích Vân: Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Bạc Liêu - <i>Managing scientific research activities of lecturers of Bac Lieu University</i>	153
Phạm Thị Sương: Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu - <i>Managing the life skills education activities for preschoolers in Hong Dan district, Bac Lieu province</i>	156
Đặng Văn Đại: Biện pháp quản lý chất lượng đào tạo ở các trường trung cấp của thành phố Hồ Chí Minh theo tiếp cận đảm bảo chất lượng - <i>Measures to manage the quality of training in secondary schools in Ho Chi Minh City following the quality assurance approach</i>	159

BIỆN PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

Hà Thị Hoài Hương

ABSTRACT

For study effectively, students must have the adapting process with learning activities. Based on the research on the psychology of adaptation and the adaptation with learning activities, this research proposes some appropriate solutions to improve the learning qualification, research and creativity for students in the College of Arts, Hue University.

Keywords: *Adaptation, improve adaptation, learning activities.*

Ngày nhận bài: 14/9/2020; Ngày phản biện: 15/9/2020; Ngày duyệt đăng: 21/9/2020.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động học tập (HDHT) của sinh viên (SV) là đi sâu, tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể, phát huy tối đa vai trò tích cực, độc lập, tự chủ và mang tính sáng tạo cao. Do đó nếu SV không kịp thời thích ứng với sẽ dẫn đến kết quả học tập không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng mà xã hội đặt ra. Với môi trường đào tạo nghệ thuật ở Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (ĐHNT, ĐHH), các SV phải làm quen với cường độ học tập cao hơn so với các trường khác vì ngoài thời gian học chuyên ngành, SV còn phải dành thời gian học các môn đại cương, học cả sáng và chiều, nếu không có sự thích ứng kịp thời họ sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong việc nâng cao thành tích và hiệu quả học tập.

2. Biện pháp nâng cao khả năng thích ứng với HDHT cho SV Trường ĐHNT, ĐHH

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng về sự thích ứng với HDHT của SV Trường ĐHNT, ĐHH và phân tích nguyên nhân của thực trạng này, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng với HDHT cho SV:

2.1. Nâng cao chất lượng các kênh trao đổi thông tin giữa nhà trường với SV để từ đó nâng cao nhận thức về HDHT cho SV

Để có thể thích ứng với môi trường học tập mới ở Trường ĐH, SV cần có những nhận thức đúng đắn về đặc điểm, mục đích, nội dung của hoạt động học tập ở Nhà trường, nhất là trong môi trường đào tạo nghệ thuật, mang tính chất đặc thù. Nhà trường cần

tạo điều kiện và tổ chức nhiều hơn nữa những buổi gặp gỡ trao đổi giữa Ban Giám hiệu, Phòng Đoàn thanh niên, Khoa và các SV. Khảo thí đảm bảo chất lượng và Công tác SV... với SV, qua các tổ chức Đoàn, Hội, qua những buổi tọa đàm, thảo luận... giúp cho SV có những hiểu biết cơ bản đối với HDHT đang triển khai, có cơ hội được giải đáp những thắc mắc, bày tỏ những khó khăn cũng như mong muốn của mình trong quá trình học tập ở Nhà trường. Bên cạnh đó, cần tổ chức phong phú và đa dạng các hoạt động chuyên môn như Triển lãm (chào mừng các ngày lễ lớn như 20/11, 22/12, 9/1, 19/5...), các trại sáng tác, chuyên đề... Thông qua các hoạt động này để khơi gợi và phát triển khả năng sáng tạo cho SV, đồng thời giúp SV mạnh dạn học tập, tham gia các hoạt động xã hội, tăng cường tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

2.2. Từng bước xây dựng nội dung chương trình học phù hợp với điều kiện dạy và học hiện nay của nhà trường; phù hợp đặc điểm ngành học và nhu cầu của xã hội

Một trong những phương thức đang được triển khai khá rộng rãi ở các Nhà trường ĐH hiện nay là mô hình đào tạo tín chỉ. Trong thời gian tới, các nhà quản lý giáo dục cần khẩn trương nghiên cứu để áp dụng vào điều kiện cụ thể của Nhà trường. Xây dựng chương trình khung theo nguyên tắc chuyên nghiệp, chương trình cứng sang chương trình mềm dẻo.

Xác định phương thức đào tạo tín chỉ có những đặc điểm ưu việt, Nhà trường đã và đang xúc tiến các quy trình xây dựng chương trình đào tạo, để củng cố chi tiết các học phần, biên soạn bài giảng... Tuy nhiên công việc này cần phải tiến hành nhanh chóng nữa trên cơ sở huy động nhiều GV trong trường tham gia.

* ThS. Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

- Giúp SV nhận biết hoặc phát hiện vấn đề: Ở mục các phương pháp giáo dục, GV có thể đặt SV vào các tình huống giả định như sử dụng một tiểu phẩm hoặc một tình huống giáo dục, yêu cầu SV phân tích để nhận biết chính xác các vấn đề đặt ra, các dữ kiện đã cho trong tình huống

- Lựa chọn các phương án giả thuyết: Dưới sự hướng dẫn của GV, SV sẽ tiến hành thao tác phân tích, so sánh để nêu ưu, nhược điểm của mỗi phương pháp trên cơ sở đó lựa chọn PP giáo dục phù hợp để giải quyết hoặc xử lý tình huống đó.

2.2.2. Dạy học theo tình huống

Dạy học theo tình huống được thực hiện dựa trên một chủ đề phức hợp gắn liền với những tình huống diễn ra cuộc sống và nghề nghiệp. SV được tạo mọi điều kiện để kiến tạo tri thức cá nhân trong lúc tương tác với xã hội. Chủ đề dạy học bao gồm nội dung liên quan đến các môn học hay đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau hoặc có nguồn gốc từ thực tiễn. Cuộc sống là hệ thống các tình huống, con người sẽ tích cực hơn khi đặt mình vào các tình huống để giải quyết. Vì vậy, trong dạy học Giáo dục học, một học phần quan trọng để rèn luyện kỹ năng sư phạm, hình thành ý thức đạo đức và tình cảm nghề nghiệp cho SV, việc xử lý các tình huống trong dạy học và giáo dục chẳng những giúp người học tích cực, chủ động trong nhận thức mà còn biết vận dụng sáng tạo những hiểu biết của mình vào việc giải quyết các tình huống đa dạng trong cuộc sống. PP này có thể vận dụng ở tất cả các khâu của quá trình dạy học, từ khâu lĩnh hội kiến thức mới để củng cố, vận dụng đến khâu kiểm tra, đánh giá việc lĩnh hội của SV. Với PP này, người học có thể khám phá tri thức hoặc cách thức hành động mới dưới hình thức cá nhân hoặc hoạt động nhóm để phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát các sự kiện, hiện tượng hoặc những tri thức mới. Người học có thể phát huy tinh thần tự giác, tích cực, độc lập suy nghĩ và tư duy sáng tạo, phát triển khả năng thích ứng trong các tình huống khác nhau.

2.2.3. Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học

Trong dạy học Giáo dục học, sơ đồ tư duy là một công cụ lý tưởng cho việc giảng dạy và trình bày các khái niệm. Giúp GV có thể tập trung vào vấn đề cần trao đổi với SV, cung cấp một cách nhìn tổng quan về các chủ đề mà không có thông tin thừa. Đồng thời có thể khuyến khích SV thể hiện ý tưởng theo sự hiểu biết của mình. Chính những ý tưởng này sẽ kích hoạt tiềm năng sáng tạo của SV. Ở Trường ĐH Nghệ thuật, ĐH Huế, nơi đào tạo các tài năng mỹ thuật, SV là những em có năng khiếu về mỹ thuật, hội họa, có năng lực quan sát phát hiện, khám phá, cảm nhận và thể hiện

những rung cảm trước vẻ đẹp của đối tượng thông qua việc sử dụng các đường nét, màu sắc, hình khối. Điều này tạo cho SV sự hứng thú, sôi nổi, hào hứng, là một PPDH gắn gũi với hoạt động chuyên ngành, phát huy được khả năng của SV. Ứng dụng sơ đồ tư duy giúp SV có thể dễ dàng lĩnh hội hệ thống hệ thống tri thức của học phần Giáo dục học một cách hiệu quả.

2.3. Tăng cường sự hỗ trợ tích cực của phương tiện dạy học.

Đa số các PPDH tích cực đều chú trọng tới các hoạt động thực hành cho SV. Vì vậy, phương tiện dạy học là một yếu tố không thể thiếu, góp phần đem lại thành công cho phương pháp. Phương tiện DH được sử dụng có thể là các phương tiện truyền thống như: phấn, bảng, sơ đồ, bảng biểu, mô hình... Ngoài ra, trong thời đại công nghệ 4.0, nếu GV biết sử dụng một cách hợp lý, hài hòa giữa sử dụng ngôn ngữ giàu hình tượng, kết hợp với điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, projector, các video clip, các phần mềm dạy học như Zoom, Meet, Microsoft teams... sẽ là một ưu thế trong việc giúp SV có thể đi sâu vào bản chất bài học

3. Kết luận

Đổi mới PPDH theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của SV trong giảng dạy học phần Giáo dục học bắt nguồn chủ yếu từ sự thay đổi nhận thức của mỗi GV đồng thời phát huy tối đa tính tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo của mỗi SV trong quá trình học tập. Vì vậy, GV cần phát huy vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và điều khiển hoạt động dạy học. Để đáp ứng được yêu cầu đó đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ GV, nâng cao hiệu quả dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Tony Buzan (2007), *Bản đồ tư duy trong công việc*, New thinking Group dịch, NXB Lao động xã hội.
2. Tony Buzan, Barry Buzan (2010), *Sơ đồ tư duy - the mind map book*, Lê Huy Lâm dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ban Chấp hành TW XI (2013), *Nghị quyết Hội nghị trung ương 8 về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT*, Hà Nội.
4. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong Nhà trường*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
5. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội
6. Phan Thị Hồng Vinh (2007), *Phương pháp dạy học Giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

già. Từ việc tập hợp lại các môn hiện nay đang dạy, cấp cho mỗi môn một mã hợp lý, viết giới thiệu tóm tắt cho từng môn, quy định yêu cầu tiên quyết, số tín chỉ..., đến việc xây dựng chương trình giáo dục kiến thức rộng, các chương trình của các khoa và các chuyên ngành cần được tham khảo ý kiến của các GV giàu kinh nghiệm.

2.3. Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho SV

Đây là vấn đề có ý nghĩa mấu chốt trong HDHT. Nếu SV không tự học, tự nghiên cứu thì không thể đáp ứng được yêu cầu của HDHT. Cốt lõi trong việc học của SV là sự tự ý thức về học tập. Chỉ có SV nào biết tổ chức quá trình học tập của mình một cách khoa học, tự giác thì mới hi vọng mang lại kết quả cao. Ngược lại, sẽ dẫn đến hiện tượng học dồn, học ép và nảy sinh các hành vi tiêu cực khi kì thi sắp đến.

Ở trường nghệ thuật, KN tự học sẽ được thể hiện khi người học tự khám phá cách giải quyết hay tự thấy những vấn đề nảy sinh, kích thích sự tìm tòi, tự sáng tạo, trải nghiệm để hình thành những kinh nghiệm như cách xử lý các chất liệu từ bút chì, than, bột màu đến sơn dầu, sơn mài, lụa, ...Điều này sẽ mang lại kết quả nhận thức cao, thể hiện ở sự kết hợp lý thuyết với thực quan vào thực hành trên bài vẽ.

Phương pháp tự học còn là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học, nó đảm bảo thành công trong học tập và nghiên cứu khoa học, là khả năng phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lý những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Rèn luyện cho SV có được kỹ năng, phương pháp, thói quen tự học, biết linh hoạt ứng dụng những điều đã học những tình huống mới, biết tự lực phát hiện và giải quyết những vấn đề đặt ra thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy tiềm năng vốn có.

2.4. Giúp SV hình thành một số KN cơ bản trong HDHT

*** Hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập:** Những môn học nằm trong chương trình đào tạo Mỹ thuật mang tính chất cơ bản, đặc thù với khối lượng kiến thức "khá sâu và rộng", đòi hỏi người học phải nắm kiến thức cũ, đồng thời luôn cập nhật những kiến thức mới để đáp ứng yêu cầu thời đại. Không những đòi hỏi tầm hiểu biết rộng mà còn cần phải sâu để nắm vững bản chất của vấn đề, nhận biết được ngôn ngữ đặc thù, tinh chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản. Tuy nhiên, nó cũng sẽ gây một số khó khăn cho SV, vì có những môn khoa học lần đầu SV được tiếp xúc, trước đó ở nhà trường phổ thông chưa có. Các học phần ở Trường đại học mang

tính khoa học, trừu tượng. Ngoài ra, SV mỹ thuật vừa phải học những môn đại cương, cơ sở ngành, nắm lý thuyết vừa phải thực hành, thể hiện trong các bài học, tác phẩm sáng tạo nên cường độ học tập cao. Mỗi môn có vị trí, vai trò riêng nên cần được dành một khoảng thời gian nhất định. Khi tiến hành hoạt động học tập, SV sẽ gặp khá nhiều mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa khối lượng công việc cần hoàn thành và chất lượng cần đạt được; mâu thuẫn giữa khối lượng, chất lượng công việc với các điều kiện chủ quan (ý thức và khả năng tổ chức tự học, sức khỏe, hứng thú...) và các điều kiện khách quan (tài liệu, điều kiện sinh hoạt, học tập...). Vì vậy, việc lập kế hoạch hợp lý và quản lý thời gian một cách khoa học là vô cùng cần thiết.

GV cần phải giúp đỡ SV nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng. Bên cạnh đó, GV phải thường xuyên kiểm tra SV trong việc chuẩn bị bài thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập lớn, bài thực hành trên lớp... Kiên trì thực hiện đúng kế hoạch, thời gian đã lập ra. Có sự đam mê trong tìm hiểu, thử nghiệm các chất liệu, hay nói cách khác, phải chủ động được các kỹ năng để diễn tả ý tưởng của tác phẩm, hình thành động cơ bên trong. Phải lập kế hoạch học tập toàn khóa một cách hợp lý phù hợp với năng lực bản thân. Tự giác xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân và cố gắng nỗ lực thực hiện theo kế hoạch đó. Biết sắp xếp và quản lý thời gian học tập và sinh hoạt một cách hợp lý và hiệu quả.

*** Hình thành KN đọc sách:** Thực trạng hiện nay cho thấy các SV Mỹ thuật chưa thực sự coi trọng môn lý thuyết, nhiều SV còn học mang tính đối phó nhiều hơn tự giác. SV chưa có kỹ năng đọc sách, chưa biết đọc như thế nào để có hiệu quả. Vì vậy, GV cần giúp SV, nhất là những em mới bắt đầu bước vào trường ĐH, bắt đầu tiếp cận với phương thức học tập mới hiểu rõ đọc sách khác với đọc truyện ngắn hay tiểu thuyết; đọc sách đòi hỏi người đọc phải xác định mục đích và yêu cầu trước khi đọc, đọc sách phải kết hợp với ghi chép những điều cần thu thập, khi đọc cần phải hiểu và nhớ những điều cốt yếu, đồng thời phải đưa ra những nhận xét, đánh giá của bản thân.

Đồng thời nhận thức được rằng nghiên cứu tư liệu sách báo và các tài liệu học tập sẽ giúp SV có cơ sở để tìm ý tưởng, đề tài, hình thành cảm hứng sáng tạo cho mình, nghiên cứu, tìm tòi, biết cách phát hiện các vấn đề từ thực tế, từ các tư liệu và dữ liệu của đời sống tự nhiên, xã hội và con người. Đó sẽ là cơ sở để bắt đầu một tiến trình sáng tạo tác phẩm. Giúp SV ngay từ đầu thói quen nghiên cứu sâu hơn về bản